

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Gia Lâm. Địa chỉ : Số 42 Ngô Gia Tự, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội Điện thoại : 02422196288 Fax: 02422196288 Số tài khoản : 118.00000.3150 Tại Ngân hàng : TM CP công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Hà Nội Mã số thuế : 0100101114-009 Email: pcgialam@evnhanoi.vn Đại diện : Ông Nguyễn Vũ Huy Chức vụ : Giám đốc.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Tại kho Công ty Điện lực Gia Lâm, Phường Việt Hưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam hoặc tại công trường thi công trên địa bàn Quận Long Biên, Hà Nội.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các Phụ lục khác); 2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. E-ĐKCT; 5. E-ĐKC; 6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; 7. E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có); 8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Ông Phạm Việt Cường – TP. QLĐT. -Địa chỉ: Công ty Điện lực Gia Lâm, số 42 Ngô Gia Tự, Phường Việt Hưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam -Điện thoại: 02422196288 Fax: -Địa chỉ email: pcgialam@evnhanoi.vn

E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng - Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến: hết ngày thứ 28 sau khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành các công việc của gói thầu, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.
E-ĐKC 5.4	Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ. Nhà thầu có thời hạn 7 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng
E-ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: -Thông

	báo giao hàng ghi rõ thời gian, địa điểm, danh mục hàng hóa giao, phương tiện vận chuyển hàng hóa...- Danh mục đóng gói hàng hoá;- Tên, số điện thoại của người liên hệ phía nhà thầu.- Các thông tin khác: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn 127 kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng... Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
E-ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong phạm vi cung cấp quy định và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định. -Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường. -Đối với những thiết bị cần thiết phải có mặt của chuyên gia nhà thầu giám sát quá trình lắp ráp, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thì nhà thầu phải đảm bảo cho các chuyên gia có mặt trên công trường để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải đưa ra các khuyến nghị sửa chữa bằng văn bản tới Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu lắp thực hiện không đúng yêu cầu đã được hướng dẫn. Trường hợp nếu chuyên gia không đưa ra các chỉ dẫn, khuyến cáo chủ đầu tư kịp thời thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết bị đã lắp ráp. - Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới cách dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống. - Nhà thầu in và dán tem QR (mã QR do chủ đầu tư cung cấp căn cứ theo TSKT nhà thầu cung cấp) với các chủng loại VTTB: Tủ RMU 22kV-Kiểu compact các loại; Tủ tổng hạ áp các loại, ATM,

	tụ bù. Tem QR phải đáp ứng chịu được độ ẩm, mài mòn, hóa chất và dầu mỡ; Độ bền: 10 năm; Nhiệt độ làm việc: Có khả năng chịu được ở nhiệt độ cao tối thiểu 130°C; Kích thước tem: 1.5 x 1.5 inch; Màu: Trắng. - Nhà thầu thực hiện áp dụng mẫu ứng dụng Hệ thống nhận diện thương hiệu đối với các VTTB: Tủ tổng hạ áp có khoang chứa tủ RMU kèm chụp cực MBA và máng cáp trung hạ thế, đỡ MBA, kèm tủ tụ bù - trong nhà, có điều khiển;
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: “Cố định”.
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: “Được phép” Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”/.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Mười phần trăm (10%) giá hợp đồng sẽ được tạm ứng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ hợp lệ sau: - Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B; - Bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương theo Mẫu số 19 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận -Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong

	việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng. - Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết. (Ghi chú: Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhà thầu không có hồ sơ tạm ứng thì được hiểu rằng nhà thầu không cần tạm ứng)
E-ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: Hợp đồng sẽ được thanh toán theo hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng. Giá hợp đồng còn lại sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày (trừ trường hợp có yêu cầu/ yếu tố khác của nhà tài trợ) kể từ ngày nhận hàng trên cơ sở Nhà cung cấp xuất trình đầy đủ các chứng từ hợp lệ sau (quy định chi tiết danh mục hàng hóa phải xuất trình ứng với từng loại chứng từ khi lập E-HSMT và khi ký hợp đồng): i. Công văn đề nghị thanh toán của bên B; ii. Hóa đơn của Nhà thầu miêu tả thiết bị hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng số tiền (Mẫu chính thức được cơ quan thuế chấp thuận, thời điểm phát hành phù hợp với quy định của Pháp luật); iii. Chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) (đối với hàng hoá nhập khẩu); iv. Chứng chỉ chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) của nhà sản xuất;

	v. Cam kết bảo hành của nhà thầu; Đối với hàng hóa đặc thù, phức tạp(*): Cung cấp chứng chỉ bảo hành hàng hoá (hoặc giấy tờ tương đương) của nhà sản xuất với thời gian: 24 tháng vi. Biên bản thí nghiệm xuất xưởng của hàng hoá do nhà sản xuất phát hành; vii. Biên bản chứng kiến thử nghiệm/kiểm tra do các bên ký xác nhận; viii. Biên bản xác nhận hàng đã giao đầy đủ về số lượng và phù hợp về chất lượng theo đúng quy định của Hợp đồng được đại diện của hai Bên ký xác ix. Biên bản nghiệm thu do hai Bên ký xác nhận; x. Bảo đảm Bảo hành bằng 5% giá trị Hợp đồng do một ngân hàng nằm trong hệ thống ngân hàng Việt Nam phát hành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành
E-ĐKC 15	“Nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp”
E-ĐKC 17	Lưu ý: Các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt trên lưới điện sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.
E-ĐKC 18.2	Đóng gói hàng hóa: Bên B chịu mọi chi phí liên quan đến việc đóng gói hàng hoá theo đúng yêu cầu. (i) Hàng hoá sẽ được đóng gói theo Tiêu chuẩn đóng gói hàng hoá vận chuyển đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không. (ii) Tất cả các kiện hàng có trọng lượng từ 3 tấn trở lên hoặc có kích thước từ 1 m³ trở lên phải được đánh dấu trọng tâm bằng ký hiệu "0" hoặc "TT". (iii) Hàng hoá phải được đóng gói bằng các phương pháp bảo vệ và chống ăn mòn để bảo đảm không bị hư hỏng hay ăn mòn dưới điều kiện khí hậu nhiệt đới phù hợp với hướng dẫn bảo quản của Bên B cũng như đảm bảo cho hàng hoá không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ hàng hoá.

	(iv) Bên B sẽ phải đóng gói hàng hoá đúng yêu cầu để tránh hư hỏng trong quá trình hàng hoá chuyên chở tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyển tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Việc đóng gói, đánh dấu và trình bày bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ chặt chẽ những yêu cầu cụ thể đã được quy định trong hợp đồng và theo bất cứ hướng dẫn nào mà nhà chế tạo đã đưa ra.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm hàng hoá và bảo hiểm vận chuyển đến địa điểm giao hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc theo quy định của Incoterms (đối với trường hợp giao hàng CIP/CIF).
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”;
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: <i>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; (đối với các VTTB chính: Tủ, thiết bị đầu cuối, chống sét...)</i> <i>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;</i> <i>c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; (Tủ, thiết bị đầu cuối)</i> <i>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; (phải mô tả cụ thể) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. (phải mô tả cụ thể)</i> <i>e) Các dịch vụ khác:</i>

	+ <i>Phụ tùng thay thế: Trong thời gian bảo hành sẵn sàng cung cấp hàng hoá để thay thế khi sự cố trong vòng 14 ngày đối với tất cả các chủng loại VTTB kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư.</i> + <i>Dịch vụ kỹ thuật: Bên bán phải Điều tra phân tích sự cố và thông báo kết quả nguyên nhân cho chủ đầu tư trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được thông báo sự cố</i>
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: i) Tất cả các hàng hoá cần phải được thử nghiệm thường lệ (nếu có yêu cầu) để khẳng định tính đáp ứng các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu, phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở của EVN và các hướng dẫn áp dụng của EVNHANOI (trường hợp không có trong tiêu chuẩn cơ sở của EVN và các hướng dẫn áp dụng của EVNHANOI thì tuân thủ TCVN hoặc IEC tương ứng) ii) Bên B phải đệ trình cho Bên A kế hoạch, nội dung chương trình kiểm tra và các tài liệu kỹ thuật liên quan để Bên A xem xét, chấp thuận và bố trí lịch để chứng kiến kiểm tra. Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra hàng hoá do Bên B chịu. iii) Nếu hàng hoá nào qua kiểm tra mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật thì Bên A có thể từ chối và Bên B sẽ phải thay thế các hàng hoá bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết, một cách miễn phí, đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. iv) Việc chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy sản xuất (nếu có) sẽ không miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm mà nhà thầu phải thực hiện theo quy định tại hợp đồng. v) Đối với vật tư thiết bị (VTTB) sản xuất trong nước: - Kiểm tra có đầy đủ biên bản thí nghiệm xuất xưởng, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng kèm theo. Kiểm tra sự phù hợp của các thông số kỹ thuật trên nhãn mác VTTB với tài liệu kỹ thuật và cam kết kỹ thuật trong hợp đồng (hoặc trong HSMT). Kiểm tra bằng mắt, bằng các phương tiện đo đơn giản như thước kẹp, thước dây, cân...đảm bảo VTTB mới 100% (chưa qua sử dụng) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong hợp đồng. - Kiểm tra sự đầy đủ các phụ kiện kèm theo (nếu có); - Kiểm tra đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), có thể kiểm tra CO của các vật liệu, linh kiện nhập ngoại. - Bên mua thành lập hội đồng nghiệm thu, để thực hiện nghiệm thu VTTB theo hợp đồng, tham gia chứng kiến thí nghiệm tại nhà sản xuất (Trường hợp nhà sản xuất có đủ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm bên mua sẽ chứng kiến thí nghiệm tại nhà sản xuất;

Trường hợp nhà sản xuất không đủ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm bên mua sẽ yêu cầu nhà thầu/nhà sản xuất lấy mẫu mang đi thí nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập...).

- Hội đồng nghiệm thu của chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng tại nhà sản xuất đảm bảo VTTB đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm quy định trong hợp đồng (hoặc trong HSMT). Việc tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà sản xuất phải được thực hiện đối với nhóm VTTB cao thế và phụ kiện và nhóm VTTB trung thế và phụ kiện. Các nhóm VTTB khác các đơn vị quy định việc áp dụng hoặc không áp dụng tham gia chứng kiến thí nghiệm tại nhà sản xuất (phải được nêu rõ trong hợp đồng).

Thử nghiệm xuất xưởng tại nhà sản xuất có sự chứng kiến của chủ đầu tư và của đơn vị thử nghiệm độc lập hoặc được thực hiện bởi đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập...), toàn bộ chi phí do bên bán hàng chịu đối với chủng loại VTTB sau:

+ *Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm²-Chống thấm nước; Màn chắn băng đồng; Giáp kim loại dài bằng kép; Cách điện XLPE;*

+ *Cáp ngầm 22kV-Cu-1x50mm²-Chống thấm nước; Màn chắn sợi đồng; Giáp kim loại dài bằng kép; Cách điện XLPE;*

vi) Đối với vật tư thiết bị nhập ngoại:

- Đối với VTTB nhập ngoại khi nghiệm thu cần kiểm tra có đầy đủ biên bản thí nghiệm xuất xưởng, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng kèm theo (bản tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt). Kiểm tra sự phù hợp của các thông số kỹ thuật trên nhãn mác VTTB với tài liệu kỹ thuật và cam kết kỹ thuật trong hợp đồng (hoặc trong HSMT). Kiểm tra bằng mắt, bằng các phương tiện đo đơn giản như thước kẹp, thước dây, cân... đảm bảo VTTB mới 100% (chưa qua sử dụng) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong hợp đồng.

- Kiểm tra sự đầy đủ các phụ kiện kèm theo (nếu có);

- Kiểm tra đầy đủ chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (CO-Certificate of Origin), chứng chỉ chất lượng do nhà chế tạo phát hành (CQ-Certificate of Quality and Quantity) của hàng hóa trong hợp đồng;

- Kiểm tra sự đầy đủ các phụ kiện kèm theo (nếu có);

- Kiểm tra đầy đủ chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (CO-Certificate of Origin), chứng chỉ chất lượng do nhà chế tạo phát hành (CQ-Certificate of Quality and Quantity) của hàng hóa trong hợp đồng;

[Ghi chú: Đối với VTTB nhập ngoại chấp nhận chỉ kiểm tra biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất. Trường hợp cụ thể được quy định trong hợp đồng có thể chứng kiến thí nghiệm tại nhà sản xuất tại nước ngoài hoặc thử nghiệm mẫu tại đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập)

vii) Yêu cầu về thử nghiệm điển hình

Có áp dụng: Tùy vào tình hình thực tế các đơn vị có thể yêu cầu nhà cung cấp thực hiện lấy mẫu VTTB mang đi thí nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập...) có sự chứng kiến của bên mua. Kết quả thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm quy định trong hợp đồng (hoặc trong HSMT). Số lượng mẫu VTTB mang đi thử nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập trong nước được quy định trong hợp đồng và toàn bộ chi phí do bên bán hàng chịu. Áp dụng đối với:

+ *Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm²-Chống thấm nước; Màn chắn băng đồng; Giáp kim loại dài bằng kép; Cách điện XLPE;*

+ *Cáp ngầm 22kV-Cu-1x50mm²-Chống thấm nước; Màn chắn sợi đồng; Giáp kim loại dài bằng kép; Cách điện XLPE;*

viii). Yêu cầu về phê duyệt mẫu

Một số chủng loại VTTB về đo lường (công tơ đếm điện, biến dòng điện, biến điện áp...) có yêu cầu về phê duyệt mẫu trong (HSMT, HSYC, bản yêu cầu báo giá, HSDT, HSĐX, báo giá...) cần kiểm tra văn bản phê duyệt mẫu trước khi ký biên bản nghiệm thu.

ix) Chi phí liên quan đến việc kiểm tra và chứng kiến thử nghiệm hàng hoá do Bên B chịu.

Nếu việc chứng kiến thử nghiệm không diễn ra trực tiếp tại nơi sản xuất thì chi phí này sẽ được hai bên thống nhất khấu trừ bằng biên bản khi thanh toán hợp đồng.

x) Hồ sơ, chứng từ tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa: tuân thủ theo văn bản quản lý kỹ thuật của EVN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

(Ghi chú: Hiện tại là Quyết định 1184/QĐ-EVN ngày

	31/8/2021) Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng ... ngày (Bên mời thầu điền ngày phù hợp với yêu cầu từng loại VTTB và gói thầu) sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu. Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có. xi)- Trong thời gian bảo hành, nếu phát hiện hàng hóa đang sử dụng có dấu hiệu hư hỏng hoặc kém chất lượng, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hoặc thử nghiệm lại tại một đơn vị thử nghiệm độc lập. - Trong trường hợp đơn vị thử nghiệm độc lập do Chủ đầu tư chọn xác định hàng hóa không đủ chất lượng theo điều kiện của hợp đồng đã ký hoặc do lỗi của Nhà thầu, tùy theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải bồi thường phần giá trị hàng hóa không đủ chất lượng trên hoặc đổi lại toàn bộ hàng hóa đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng và bồi hoàn cho Chủ đầu tư mọi chi phí liên quan, kể cả việc tháo dỡ, vận chuyển, ... hàng hóa do Chủ đầu tư đã lắp đặt.
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Kho Công ty Điện lực Gia Lâm. Hoặc tại Nhà sản xuất hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập)
E-ĐKC 22	Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. 1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 0,5 %/tuần giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc

	phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”. Trường hợp hàng hóa không đảm bảo tiến độ hoặc chất lượng cam kết gây thiệt hại cho chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ xem xét và yêu cầu nhà thầu bồi thường thiệt hại gây ra do lỗi của nhà thầu. Trường hợp hàng hoá không đảm bảo chất lượng đã cam kết, Bên A có quyền từ chối nhận hàng hoá. Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng
E-ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: (Tối thiểu 2 năm kể từ ngày hàng hoá được đưa vào sử dụng hoặc tối thiểu 2.5 năm kể từ ngày giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho hàng hoá được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kể từ ngày Bên A chấp nhận hàng hoá sửa chữa hoặc thay thế đó). Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Quận Long Biên TP Hà Nội
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: trong vòng 14 ngày đối với tất cả các loại VTTB trong hợp đồng kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị giảm giá hợp đồng.